



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI**

Địa chỉ: 114 Trường Chinh, P. Phù Đổng, TP. Pleiku, Gia Lai

Điện thoại: (059) 3830013

Fax: (059) 3830013

Website: [www.ghc.vn](http://www.ghc.vn)

# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI**

**Năm báo cáo: 2016**



## MỤC LỤC

<b>I.</b>	<b>THÔNG TIN CHUNG</b> .....	2
	Thông tin khái quát .....	2
	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh .....	3
	Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý .....	4
	Định hướng phát triển .....	7
	Các rủi ro .....	8
<b>II.</b>	<b>TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2016</b> .....	9
	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 .....	9
	Tổ chức và nhân sự .....	10
	Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án .....	13
	Tình hình tài chính .....	16
	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu .....	16
<b>III.</b>	<b>BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b> .....	18
	Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 .....	18
	Tình hình tài chính .....	19
	Kế hoạch phát triển trong tương lai .....	20
<b>IV.</b>	<b>ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b> .....	22
	Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty .....	22
	Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty .....	23
	Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị .....	24
<b>V.</b>	<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b> .....	27
	Ý kiến kiểm toán .....	27
	Báo cáo tài chính được kiểm toán .....	27

## PHẦN A: THÔNG TIN CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI

### I. Thông tin chung:

#### 1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch : **CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI**
- Giấy CNĐKDN : số 5900288566 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp ngày 23/05/2002, thay đổi lần 9 ngày 13 tháng 4 năm 2016
- Vốn điều lệ : 205.000.000.000 đồng (Hai trăm lẻ năm tỷ đồng)
- Địa chỉ : 114 Trường Chinh, P. Phù Đổng, Tp. Pleiku, tỉnh Gia Lai
- Điện thoại : (84.59) 383 0013
- Fax : (84.59) 383 0013
- Website : [www.ghc.vn](http://www.ghc.vn)
- Mã cổ phiếu : **GHC**

#### Quá trình hình thành và phát triển:

14/03/2002

- Tiền thân là Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Điện Gia Lai được thành lập theo Hợp đồng kinh tế số 01-14-03-2002/PC3-ĐGL-01 giữa Công ty Điện lực 3 (nay là Tổng công ty điện lực miền Trung) và Công ty Điện Gia Lai (nay là Công ty cổ phần điện Gia Lai), với tổng vốn điều lệ 6 tỷ đồng.

02/06/2008

- Công ty TNHH Đầu tư và phát triển điện Gia Lai đã chính thức chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần và đổi tên thành Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai

2009

- Tháng 03/2009 Công ty chính thức đăng ký công ty đại chúng với UBCKNN.
- Tháng 11/2009 tăng vốn điều lệ thực góp lên 100 tỷ đồng

2011

- Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu phổ thông trên thị trường UPCoM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

2014

- Ngày 28/10/2014 tăng vốn điều lệ thực góp lên 205 tỷ đồng.
- Đến ngày 30/12/2016, số lượng cổ đông của Công ty là 4.090 cổ đông, trong đó có 1.383 cổ đông đã lưu ký chứng khoán.

## 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

Hiện nay hoạt động sản xuất chính của Công ty là đầu tư xây dựng các dự án thủy điện vừa và nhỏ theo hình thức BOO (Đầu tư xây dựng – Sở hữu – Vận hành kinh doanh). Nguồn doanh thu chính của Công ty trong các năm qua toàn bộ từ vận hành sản xuất điện năng của 02 nhà máy thủy điện H'Chan và nhà máy thủy điện H'Mun.



### Nhà máy thủy điện H'Chan

Công suất 12 MW

Địa chỉ: xã Đê Ar, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai.

Nhà máy được khởi công xây dựng từ năm 2002 và hoàn thành đưa vào khai thác vận hành từ tháng 09/2006 với sản lượng điện trung bình hàng năm là 55 triệu kWh.



### Nhà máy thủy điện H'Mun

Công suất 16,2 MW

Địa chỉ: xã Bar Maih, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

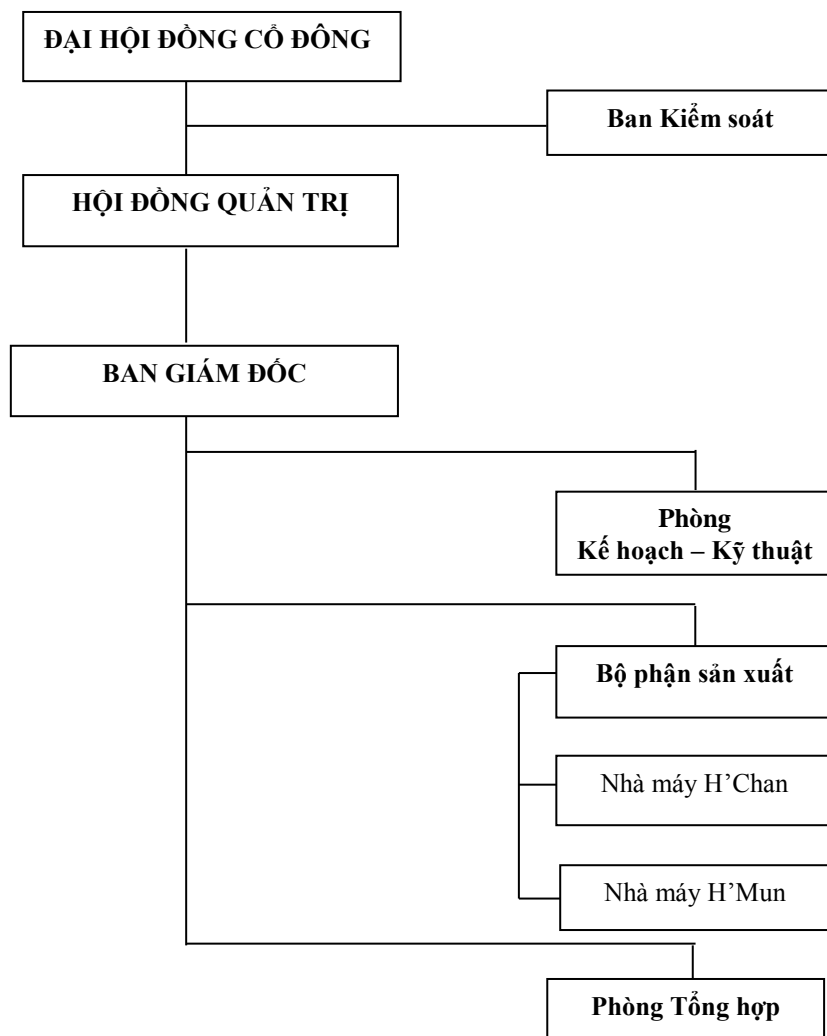
Nhà máy được chính thức thi công xây dựng vào tháng 08/2007. Đến ngày 02/01/2011, nhà máy thủy điện H'Mun chính thức khánh thành, với sản lượng điện trung bình hàng năm là 66 triệu kWh.

- Sản lượng điện và doanh thu trong các năm 2015 và năm 2016 của Công ty như sau :

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016
1	Sản lượng kế hoạch (triệu kWh)	113,26	120,49
2	Sản lượng thực hiện (triệu kWh)	93,52	104,00
3	Tỷ lệ thực hiện (%)	82,57	86,31%
4	Doanh thu bán điện (triệu đồng)	119.539	115.699

### 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý của Công ty

#### 3.1. Mô hình quản trị:



- **Đại hội đồng cổ đông:** gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, có quyền thông qua quyết định phương hướng, nhiệm vụ phát triển và kế hoạch phát triển kinh doanh hàng năm của Công ty; quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát; và các quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ Công ty.
- **Hội đồng quản trị:** là cơ quan quản lý Công ty do ĐHĐCĐ bầu ra, thay mặt cho ĐHĐCĐ quản lý Công ty giữa hai kỳ ĐHĐCĐ và có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
- **Ban kiểm soát:** gồm 3 thành viên, gọi là Kiểm soát viên do ĐHĐCĐ bầu ra với nhiệm kỳ là 5 năm. Kiểm soát viên là những người thay mặt cổ đông để kiểm tra tính

hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh Công ty; trong ghi chép sổ sách kế toán tài chính của Công ty nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp cho các cổ đông.

- **Ban Giám đốc:** là cấp quản lý điều hành hoạt động của Công ty, đứng đầu là Giám đốc do HĐQT lựa chọn và bổ nhiệm; chủ động điều hành các hoạt động kinh doanh của Công ty có hiệu quả theo Nghị quyết của HĐQT, Điều lệ công ty, qui định của UBCKNN, Sở Giao dịch chứng khoán và pháp luật.

- **Các phòng/ban nghiệp vụ:**

**Phòng tổng hợp:** Thực hiện lập kế hoạch tài chính cho công ty, hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong suốt quá trình hoạt động của Công ty, lập các báo cáo tài chính phục vụ công tác quản lý và theo chế độ quy định, đồng thời chịu trách nhiệm các hoạt động liên quan đến nhân sự, đào tạo, hành chính, quản lý tài sản Công ty.

**Phòng kế hoạch – kỹ thuật:** Xây dựng kế hoạch năm, kế hoạch dài hạn, kế hoạch sản xuất và xây dựng cơ bản, kế hoạch duy trì, bảo dưỡng và tổng hợp kế hoạch triển khai các dự án đầu tư của Công ty; quản lý công tác kỹ thuật.

**Bộ phận sản xuất:** tổ chức quản lý điều hành sản xuất các nhà máy thủy điện liên tục – an toàn – hiệu quả theo kế hoạch sản lượng hàng năm của Công ty.

### 3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

❖ **Hội đồng quản trị:**



**Ông Lê An Khang**  
Chủ tịch HĐQT



**Ông Nguyễn Đình Tuấn**  
Thành viên HĐQT



**Ông Đinh Châu Hiếu Thiện**  
Thành viên HĐQT



**Ông Trần Đình Lợi**  
Thành viên HĐQT



**Ông Hà Nguyên Hoàng**  
Thành viên HĐQT

❖ Ban Kiểm soát:



**Ông Hàn Phi Hải**  
Trưởng BKS



**Bà Vũ Thị Kiều Vân**  
Thành viên BKS



**Bà Đỗ Vũ Hải Hà**  
Thành viên BKS

❖ Ban Điều hành:



**Ông Trịnh Vinh Thanh**  
Giám Đốc



**Bà Võ Thị Tuyết Diệp**  
Phụ trách kế toán

**3.3. Danh sách các công ty con, công ty liên kết:**

STT	Tên công ty – Địa chỉ - Ngành nghề kinh doanh	Vốn điều lệ thực góp (Triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	<p><b>Công ty Cổ phần Thủy điện Thượng Lộ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>❖ Địa chỉ: 189 Phạm Văn Đồng – P.Vỹ Dạ - TP Huế - tỉnh Thừa Thiên Huế.</li> <li>❖ Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Xây dựng công trình công nghiệp, xây</li> </ul>	12.000	30%

STT	Tên công ty – Địa chỉ - Ngành nghề kinh doanh	Vốn điều lệ thực góp (Triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
	dựng công trình điện, công trình thủy lợi, cấp thoát nước, hạ tầng kỹ thuật; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Lắp đặt hệ thống điện; Xây dựng công trình giao thông đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Kinh doanh xuất nhập khẩu máy móc thiết bị.		
2	<p style="text-align: center;"><b>Công ty TNHH GKC</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>❖ Địa chỉ: 478 Duy Tân, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</li> <li>❖ Ngành nghề kinh doanh:                          Sản xuất truyền tải và phân phối điện; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt máy móc thiết bị công nghiệp; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công nghiệp, điện, thủy lợi, cấp thoát nước, hạ tầng kỹ thuật; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng nhà các loại; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Cung ứng lao động tạm thời (lao động trong nước); Cung ứng và quản lý nguồn lao động (lao động trong nước); Kinh doanh xuất nhập khẩu.</li> </ul>	100	0,07%

#### 4. Định hướng phát triển

- Bên cạnh mục tiêu duy trì và phát triển hoạt động của nhà máy thủy điện H'Chan và H'Mun trong các năm sắp tới, trong năm 2017 và những năm tiếp theo Công ty sẽ tiếp tục nghiên cứu, đầu tư vào các dự án năng lượng như: thủy điện, điện năng, điện gió... có tiềm năng, nhằm mang lại lợi ích cao và mở rộng phát triển của công ty.
- Xác định được yếu tố con người là nhân tố quan trọng tạo nên thành công của GHC, chính vì vậy Công ty không ngừng đầu tư vào chiến lược phát triển nhân sự, thường xuyên bồi dưỡng, đào tạo nhân viên kỹ thuật lành nghề để chủ động tiếp cận những thông tin mới nhất về sản phẩm, kỹ thuật, công nghệ mới và xu hướng thị trường. Từ chỗ phải thuê các chuyên gia nước ngoài làm tư vấn, thiết kế công trình; chỉ đạo thi công xây lắp và trực tiếp căn chỉnh máy móc, thiết bị kỹ thuật quan trọng, chạy thử liên động, hoặc có tải; đến nay các chuyên gia cán bộ kỹ thuật và công nhân giỏi nghề, giàu kinh nghiệm của Công ty đã cơ bản đảm trách được công việc một cách an toàn, hiệu quả, tạo tiền đề cho việc phát triển các hoạt động tư vấn xây dựng theo định hướng phát triển lâu dài.
- Hiện tại sản phẩm chính của Công ty là điện thương phẩm và việc tiêu thụ điện đã được đảm bảo bởi Hợp đồng mua bán điện dài hạn được ký giữa Công ty và Công ty Điện lực



3 (nay là Tổng Công ty điện lực Miền Trung). Do đó các hoạt động marketing của Công ty trong tương lai gần chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực khác mà Công ty đang dự định hướng đến.

- Phương châm của Công ty trong xây dựng mối quan hệ khách hàng là uy tín, cam kết chất lượng sản phẩm, hỗ trợ lẫn nhau tìm giải pháp để cùng tháo gỡ khó khăn trong kinh doanh. Công ty cũng chú trọng nâng cao hình ảnh thương hiệu của mình thông qua các kênh thông tin đại chúng như báo chí, phát thanh và truyền hình địa phương khi tổ chức các sự kiện quan trọng của Công ty cũng như chú trọng cập nhật website của Công ty.
- Thành lập ngày 02/06/2008 trên cơ sở hạ tầng của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Điện Gia Lai, Công ty chưa đăng ký nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế hay bản quyền nào. Trong thời gian sắp tới Công ty sẽ tiến hành đăng ký bản quyền thương hiệu và logo của mình.

## **5. Các rủi ro:**

### **5.1. Rủi ro hoạt động sản xuất kinh doanh:**

- Sản lượng điện: Đặc thù của Công ty là hoạt động trong lĩnh vực thủy điện do đó điều kiện thời tiết là yếu tố rủi ro ảnh hưởng lớn nhất đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Thị trường tiêu thụ: sản lượng điện phát ra tại các nhà máy đều bán cho một khách hàng duy nhất là Tổng Công ty Điện lực Miền trung (CPC) nên các rủi ro về yếu tố cạnh tranh, thị trường tiêu thụ ở thời điểm hiện tại không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của Công ty.
- Nhu cầu điện hiện nay: do nền kinh tế Việt Nam đang trong giai đoạn phát triển nhanh nên nhu cầu điện cao hơn so với nguồn cung sản xuất điện. Tuy nhiên trong trường hợp nền kinh tế quốc gia không ổn định sẽ ảnh hưởng tới nhu cầu sử dụng điện năng đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất.
- Giá bán điện: đây là yếu tố ảnh hưởng lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh. Hiện nay biểu giá bán điện cho EVN được nhà nước ban hành từng năm và phụ thuộc nhiều vào chính sách điều hành vĩ mô của nhà nước.

### **5.2. Rủi ro thực hiện các mục tiêu của Công ty:**

- Khủng hoảng tài chính, biến động trong chính sách điều hành vĩ mô: quá trình triển khai các dự án trọng điểm của Công ty sẽ hoàn tất theo đúng tiến độ khi không có biến động về chính sách quản lý của nhà nước trong lĩnh vực xây dựng công trình thủy điện như: thủ tục pháp lý, cấp phép đầu tư, vận hành khai thác... Trong trường hợp các vấn đề trên có biến động theo chiều hướng xấu sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ xây dựng và hoàn thành các nhà máy thủy điện.
- Biến động lãi suất, tỷ giá sẽ làm ảnh hưởng đến hoạt động đầu tư phát triển mới các nhà máy thủy điện.

## PHẦN B: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2016

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016:

- Năm 2016 thời tiết khô hạn kéo dài đến cuối quý 3, lượng nước về phục vụ cho công tác phát điện rất ít dẫn đến sản lượng và doanh thu giảm đáng kể so với kế hoạch ban đầu. Bên cạnh đó các tháng mùa khô năm 2016 lượng nước về rất ít không đủ nước phát điện giờ cao điểm do đó giá bán điện bình quân năm 2016 thấp hơn năm 2015, cụ thể:
  - Thủy điện H'Chan: 1.047/1.122 (đồng/kWh)
  - Thủy điện H'Mun: 1.092/1.144 (đồng/kWh)

T T	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH		THỰC HIỆN		So sánh (%)		
			KH 2016	KHĐC năm 2016	TH 2016	TH 2015	TH/KH 2016	TH/KH ĐC 2016	TH2016/TH2015
A	B	C	1	2	3	4	5=3/1	6=3/2	7=3/4
1	<b>Điện thương phẩm</b>	tr kWh	<b>120,49</b>	<b>93,79</b>	<b>104,00</b>	<b>93,52</b>	<b>86%</b>	<b>111%</b>	<b>111%</b>
2	Tổng doanh thu	tỷ đ	141,36	112,49	123,42	127,51	<b>87%</b>	<b>110%</b>	<b>97%</b>
	<i>Doanh thu bán điện</i>	tỷ đ	<b>139,39</b>	<b>104,88</b>	<b>115,70</b>	<b>119,54</b>	<b>83%</b>	<b>110%</b>	<b>97%</b>
	<i>Doanh thu tài chính</i>	tỷ đ	<b>1,97</b>	<b>7,51</b>	<b>7,39</b>	<b>7,97</b>	<b>375%</b>	<b>98%</b>	<b>93%</b>
	<i>Doanh thu khác</i>	tỷ đ		<b>0,10</b>	<b>0,19</b>			<b>190%</b>	
3	Tổng chi phí	tỷ đ	52,23	47,06	47,70	58,14	<b>91%</b>	<b>101%</b>	<b>82%</b>
	<i>Giá vốn hàng bán</i>	tỷ đ	<b>44,16</b>	<b>39,50</b>	<b>41,07</b>	<b>48,57</b>	<b>93%</b>	<b>104%</b>	<b>85%</b>
	<i>Chi phí tài chính</i>	tỷ đ	<b>3,54</b>	<b>3,33</b>	<b>2,35</b>	<b>5,24</b>	<b>66%</b>	<b>71%</b>	<b>45%</b>
	<i>Chi phí quản lý DN</i>	tỷ đ	<b>4,53</b>	<b>4,01</b>	<b>3,79</b>	<b>4,28</b>	<b>84%</b>	<b>94%</b>	<b>88%</b>
	<i>Chi phí khác</i>	tỷ đ		<b>0,22</b>	<b>0,36</b>	<b>0,05</b>		<b>164%</b>	
4	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đ	89,13	65,43	75,72	69,37	<b>85%</b>	<b>116%</b>	<b>109%</b>
5	<b>Thuế TNDN</b>	tỷ đ	<b>7,30</b>	<b>5,60</b>	<b>6,56</b>	<b>6,32</b>	<b>90%</b>	<b>117%</b>	<b>104%</b>
6	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đ	81,83	59,83	69,16	63,05	<b>85%</b>	<b>116%</b>	<b>110%</b>

- Trong năm 2016 để chuẩn bị nguồn vốn cho việc M&A các dự án thủy điện Công ty đã thanh toán các khoản nợ vay trước hạn 41,9 tỷ đồng và thực hiện các thủ tục để vay vốn của Ngân hàng Vietcombank với tổng giá trị khoảng 256,7 tỷ đồng. Tuy nhiên công tác đấu giá M&A các dự án thủy điện không thành công nên Công ty chưa rút vốn vay.
- Thực hiện chủ trương của HĐQT về việc chuyển nhượng cổ phần tại Công ty CP thủy điện Trường Phú, do rủi ro dự án trong quá trình xây dựng. Ban điều hành Công ty đã tìm kiếm đối tác và thực hiện các thủ tục liên quan đến hoạt động chuyển nhượng CP nói trên với tổng giá trị chuyển nhượng là 49,5 tỷ đồng (trong đó vốn đã góp là: 45 tỷ đồng).

- Thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2016 và xem xét dòng tiền hiện tại, Công ty đã tiến hành chốt danh sách thực hiện chi tạm ứng cổ tức năm 2016 bằng tiền mặt với tỷ lệ là 27%/cổ phần, tương ứng với số tiền là 55,350 tỷ đồng.

## 2. Tổ chức và nhân sự:

### 2.1. Danh sách Ban Điều hành:

STT	Họ tên	Chức vụ
1	Ông Trịnh Vinh Thanh	Giám đốc
2	Bà Võ Thị Tuyết Điệp	Phụ trách Kế toán

### 2.2. Sơ yếu lý lịch:

#### Giám đốc công ty:

Họ và tên:	<b>Trịnh Vinh Thanh</b>
Ngày tháng năm sinh:	08/05/1977
CMND:	Số: 230511171, ngày cấp: 11/12/2010, nơi cấp: Gia Lai
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Xã Hoài Sơn, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định
Địa chỉ thường trú:	Hoàng Văn Thái, P.Hoa Lư, TP Pleiku, Tỉnh Gia Lai
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư điện
Quá trình công tác:	
<i>Năm 2000</i>	<i>Tốt nghiệp Đại học Bách Khoa Đà Nẵng</i>
<i>Từ năm 2000 đến 30/5/2001</i>	<i>Làm việc tại XN tư doanh Hoàng Anh Gia Lai</i>
<i>Từ 01/06/2001 đến tháng 4/2002</i>	<i>Làm việc tại NMTĐ A yun Hạ - Công ty Điện Gia Lai</i>
<i>Từ tháng 5/2002 đến 10/2004</i>	<i>Làm việc tại Phòng Kỹ thuật – Công ty Điện Gia Lai</i>
<i>Từ tháng 11/2004 đến 10/2005</i>	<i>Trạm phó thủy điện A Yun Hạ - Công ty Điện Gia Lai</i>
<i>Từ tháng 11/2005 đến 10/2010</i>	<i>Phó phòng Kinh tế Kế hoạch – Công ty Điện Gia Lai</i>
<i>Từ tháng 10/2010 đến 31/12/2012</i>	<i>Phó phòng Quản lý sản xuất – Công ty CP Điện Gia Lai</i>
<i>Từ tháng 01/01/2013 đến nay</i>	<i>Phó phòng Kỹ thuật – Sản xuất</i>
<i>Từ ngày 01/7/2016 đến 31/12/2016</i>	<i>Quyền trưởng phòng Kỹ thuật – Sản xuất</i>
<i>Từ ngày 01/01/2017 đến nay</i>	<i>Trưởng phòng Kỹ thuật – Sản xuất</i>
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty:	Giám đốc
Số cổ phần nắm giữ:	5.000 cổ phần, chiếm 0,024% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	5.000 cổ phần, chiếm 0,024% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của GHC: Không

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

❖ **Phụ trách Kế toán:**

Họ và tên: **Võ Thị Tuyết Diệp**

Ngày tháng năm sinh: 15/04/1985

Nơi sinh: Bình Định

CMND: số 231156404, tại Gia Lai, cấp ngày 08/02/2014

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Xã Mỹ hòa, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định

Địa chỉ thường trú: Lê Duẩn – Pleiku – Gia Lai

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán

Quá trình công tác:

*Từ tháng 12/2006 đến tháng 7/2015* Kế toán Công ty TNHH đầu tư và phát triển Điện Gia Lai (nay là Công ty cổ phần thủy điện Gia Lai)

*Từ tháng 08/2015 đến 12/02/2017* *Phụ trách kế toán – Công ty CP thủy điện Gia Lai*

*Từ ngày 13/02/2017 đến nay* *Kế toán trưởng – Công ty CP thủy điện Gia Lai*

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Kế toán trưởng

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ : 2.600 cổ phần, chiếm 0,013% vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: 2.600 cổ phần, chiếm 0,013% vốn điều lệ

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của GHC: Không

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

**2.3. Những thay đổi trong Ban Điều hành:**

Ông Đoàn Văn Sơn Chức vụ: Phó Giám đốc từ nhiệm từ ngày 01/10/2016

#### 2.4. Cơ cấu lao động Công ty tại thời điểm 31/12/2016:

- Số lượng cán bộ, nhân viên tính đến ngày 31/12/2016: 47 CBCNV.

Cơ cấu lao động như sau:

STT	Chỉ tiêu	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
<b>Phân loại theo trình độ</b>			
1	Cán bộ có trình độ trên đại học	0	0
2	Cán bộ có trình độ đại học	7	15
3	Cán bộ có trình độ cao đẳng, trung cấp	40	85
4	Nhân viên kỹ thuật	0	0
5	Lao động phổ thông/lao động khác	0	0
<b>Phân loại theo phòng ban chức năng</b>			
1	Ban Giám đốc	01	2,13
2	Phòng Tổng hợp	05	10,63
3	Phòng Kế hoạch – Kỹ thuật	01	2,13
4	Bộ phận sản xuất	40	85,11
<b>Tổng cộng</b>		<b>47</b>	<b>100</b>

#### - Chính sách đối với người lao động:

- Quan tâm đến chế độ, đời sống CBCNV, tạo điều kiện để hoạt động thuận lợi và phối hợp tốt với công đoàn và các tổ chức chính trị xã hội khác.
- Chú trọng việc đào tạo đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật lành nghề vì đó là nhân tố quan trọng trong việc tồn tại và phát triển một doanh nghiệp.
- Cam kết và đảm bảo duy trì các quyền lợi chính đáng cho người lao động, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của người sử dụng lao động đối với người lao động theo quy định hiện hành của pháp luật lao động như: ký kết hợp đồng lao động, đóng BHYT, BHXH, BHTN, khám sức khỏe định kỳ hàng năm, trang bị bảo hộ lao động, tổ chức cho CBCNV tham quan du lịch hàng năm.
- Quan tâm, tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên được bồi dưỡng, học tập nâng cao kiến thức về trình độ chuyên môn bằng cách thức phù hợp như đào tạo tại chỗ, gửi đi các khóa đào tạo chuyên môn ngắn và dài hạn trong nước; tạo điều kiện cho cán bộ kỹ thuật thâm nhập thực tế ở các nhà máy thủy điện đang hoạt động trong hệ thống GEC Group nhằm tích lũy và nâng cao trình độ chuyên môn, kinh nghiệm làm việc.
- Chính sách lương thưởng: Đối với CBCNV Bộ phận sản xuất Công ty áp dụng chính sách trả lương khoán theo doanh thu, CBCNV khối văn phòng hưởng lương theo ngạch/bậc công việc.
- Ngoài mức lương khoán, Công ty khuyến khích lao động bằng khoản thưởng vào ngày lễ, tết và các dịp đặc biệt và các chính sách phúc lợi, trợ cấp bao gồm: trợ cấp ốm đau,

thai sản, tặng quà hoặc hiện kim ngày sinh nhật, kết hôn... và các chế độ khác áp dụng theo quy định của Bộ Luật Lao động..

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

3.1 Các khoản đầu tư lớn: không

3.2 Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan:

Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của Công ty cổ phần Thủy điện Thượng Lộ: Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty cổ phần Thủy điện Thượng Lộ đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam .

#### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

ĐVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>9.579.436.027</b>	<b>11.620.330.563</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>	<b>4</b>	<b>3.145.627.264</b>	<b>978.863.170</b>
111	1. Tiền		3.145.627.264	978.863.170
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>6.259.185.588</b>	<b>9.880.841.412</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	5.390.814.809	7.305.160.357
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	175.000.000	477.602.118
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	693.370.779	2.098.078.937
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>		<b>102.075.378</b>	-
141	1. Hàng tồn kho		102.075.378	-
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>72.547.797</b>	<b>760.625.981</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		72.547.797	6.156.213
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	754.469.768
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>143.407.761.894</b>	<b>134.796.195.454</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>140.678.669.843</b>	<b>127.873.134.116</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	140.664.933.279	127.847.730.888
222	Nguyên giá		146.127.857.076	129.465.264.434
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(5.462.923.797)	(1.617.533.546)
227	2. Tài sản vô hình	8	13.736.564	25.403.228
228	Nguyên giá		35.000.000	35.000.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(21.263.436)	(9.596.772)
<b>240</b>	<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>51.000.000</b>	<b>6.323.208.951</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	51.000.000	6.323.208.951
<b>260</b>	<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>2.678.092.051</b>	<b>599.852.387</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	2.678.092.051	599.852.387
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>152.987.197.921</b>	<b>146.416.526.017</b>

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>111.240.192.355</b>	<b>106.692.524.971</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>18.053.714.491</b>	<b>22.305.486.187</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	2.492.557.038	17.062.042.913
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	876.136.228	549.171.496
314	3. Phải trả người lao động		54.121.622	196.268.794
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn		370.244.332	112.974.663
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	14	775.533.091	90.909.091
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	13	1.618.573.711	344.519.862
320	7. Vay ngắn hạn	15	11.718.000.000	3.949.599.368
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		148.548.469	-
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>93.186.477.864</b>	<b>84.387.038.784</b>
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	14	194.362.682	257.575.766
338	2. Vay dài hạn	15	92.992.115.182	84.129.463.018
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>16.1</b>	<b>41.747.005.566</b>	<b>39.724.001.046</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>41.747.005.566</b>	<b>39.724.001.046</b>
411	1. Vốn cổ phần		40.000.000.000	37.809.340.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.747.005.566	1.914.661.046
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		1.729.229.272	60.343.309
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		17.776.294	1.854.317.737
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>152.987.197.921</b>	<b>146.416.526.017</b>

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

ĐVT: VND

<i>Mã số</i>	<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Thuyết minh</i>	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng	17.1	19.597.719.331	6.641.054.870
11	2. Giá vốn hàng bán	18, 22	(6.759.534.835)	(2.222.993.674)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng		12.838.184.496	4.418.061.196
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	17.2	9.662.254	119.997.887
22	5. Chi phí tài chính	19	(9.496.322.498)	(1.590.261.830)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(9.223.452.525)	(1.509.804.966)
26	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20, 22	(3.231.025.509)	(874.969.190)
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		120.498.743	2.072.828.063
31	8. Thu nhập khác	21	1.187.912.953	534.033.108
32	9. Chi phí khác	21	(942.221.966)	(524.734.382)
40	10. Lợi nhuận khác	21	245.690.987	9.298.726
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		366.189.730	2.082.126.789
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.2	(347.672.758)	(227.809.052)
60	13. Lợi nhuận sau thuế TNDN		18.516.972	1.854.317.737
70	14. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	16.3	4,48	441,40



**4. Tình hình tài chính của Công ty năm 2016:**
**4.1 Báo cáo tình hình tài chính:**

ĐVT: tr.đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	417.013	362.841	-12,99%
2	Doanh thu thuần	119.539	115.699	-3,21%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	69.420	75.885	+13,63%
4	Lợi nhuận khác	(48)	(169)	-352%
5	Lợi nhuận trước thuế	69.373	75.715	+9,14%
6	Lợi nhuận sau thuế	63.054	69.158	+9,68%
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	3.000	3.205	+6,83%
8	Tỷ lệ chi trả cổ tức	30%	30%	0%

**4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:**

Các chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>		
▪ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,12	1,73
▪ Hệ số thanh toán nhanh	1,10	1,69
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>		
▪ Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,30	0,18
▪ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	0,42	0,22
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>		
▪ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,29	0,32
▪ Vòng quay hàng tồn kho	20,40	17,90
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi</b>		
▪ Hệ số lợi nhuận sau thuế/DTT	0,53	0,60
▪ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH	0,21	0,23
▪ Hệ số lợi nhuận sau thuế/TTS	0,15	0,19
▪ Hệ số lợi nhuận HĐKD/DTT	0,58	0,65

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**
**5.1. Cổ phần:** Đến thời điểm 31/12/2016, cổ phần đang lưu hành như sau:

- Tổng số cổ phần : 20.500.000 cổ phần
- Loại cổ phần lưu hành: Cổ phần phổ thông
- Số cổ phần chuyển nhượng tự do: 20.500.000 cổ phần

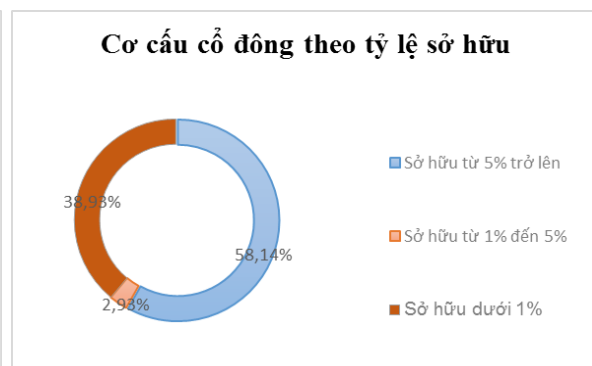
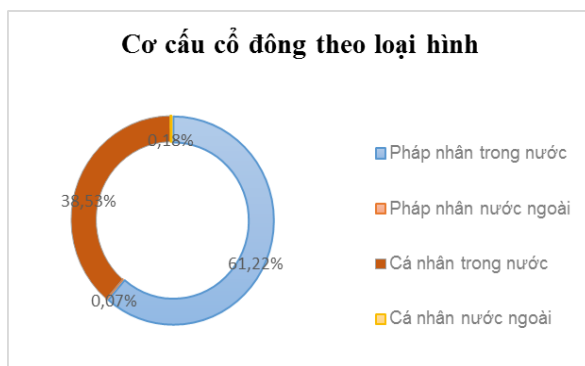
**5.2. Cơ cấu cổ đông:** Đến thời điểm 31/12/2016, cơ cấu cổ đông như sau:

- Cơ cấu cổ đông theo loại hình:

Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ đông (CĐ)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Vốn cổ phần (đồng)
Pháp nhân trong nước	05	61,22	125.500.000.000
Pháp nhân nước ngoài	01	0,07	132.000.000
Cá nhân trong nước	4.079	38,53	78.995.340.000
Cá nhân nước ngoài	05	0,18	372.660.000
<b>Cộng</b>	<b>4.090</b>	<b>100</b>	<b>205.000.000.000</b>

- Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu:

Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ đông (CĐ)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Vốn cổ phần (đồng)
Sở hữu từ 5% trở lên	01	58,14	119.193.640.000
Sở hữu từ 1% đến 5%	01	2,93	6.000.000.000
Sở hữu dưới 1%	4.088	38,93	79.806.360.000
<b>Cộng</b>	<b>4.090</b>	<b>100</b>	<b>205.000.000.000</b>



**5.3. Giao dịch cổ phiếu quỹ:** không

**5.4. Các chứng khoán khác:** không

## PHẦN C: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

### 1. Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016:

T T	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH		THỰC HIỆN		So sánh (%)		
			KH 2016	KHĐC năm 2016	TH 2016	TH 2015	TH/K H 2016	TH/KHĐ C 2016	TH2016/ TH2015
A	B	C	1	2	3	4	5=3/1	6=3/2	7=3/4
1	Điện thương phẩm	tr kWh	120,49	93,79	104,00	93,52	86%	111%	111%
2	Tổng doanh thu	tỷ đ	141,36	112,49	123,29	127,51	87%	110%	97%
	<i>Doanh thu bán điện</i>	tỷ đ	139,39	104,88	115,70	119,54	83%	110%	97%
	<i>Doanh thu tài chính</i>	tỷ đ	1,97	7,51	7,39	7,97	375%	98%	93%
	<i>Thu nhập khác</i>	tỷ đ		0,10	0,19			190%	
3	Tổng chi phí	tỷ đ	52,23	47,06	47,57	58,14	91%	101%	82%
	<i>Giá vốn hàng bán</i>	tỷ đ	44,16	39,50	41,07	48,57	93%	104%	85%
	<i>Chi phí tài chính</i>	tỷ đ	3,54	3,33	2,35	5,24	66%	71%	45%
	<i>Chi phí quản lý DN</i>	tỷ đ	4,53	4,01	3,79	4,28	84%	94%	88%
	<i>Chi phí khác</i>	tỷ đ		0,22	0,36	0,05		164%	
4	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đ	89,13	65,43	75,72	69,37	85%	116%	109%
5	Thuế TNDN	tỷ đ	7,30	5,60	6,56	6,32	90%	117%	104%
6	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đ	81,83	59,83	69,16	63,05	85%	116%	110%

#### Kết quả thực hiện một số nội dung quan trọng trong năm 2016:

- Luôn chủ động trong công tác vận hành an toàn máy móc thiết bị, thực hiện công tác kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng và vận hành thiết bị cơ điện nhà máy, trạm biến áp, đường dây và các hạng mục công trình thủy công;
- Thực hiện phương án phối hợp điều tiết nguồn nước với nhà máy Ayun Thượng 1A, đảm bảo để nâng cao hiệu quả vận hành, tăng tối đa doanh thu của cả 02 nhà máy;
- Do thời tiết khô hạn kéo dài từ đầu năm cho đến gần hết quý 3/2016 dẫn đến doanh thu cả 02 Nhà máy giảm rõ rệt so với kế hoạch ban đầu. Để giảm sức ép về chi phí, Ban điều hành Công ty đã tiến hành rà soát lại toàn bộ máy móc thiết bị và các hạng mục sửa chữa theo kế hoạch trong năm 2016, qua đó Ban điều hành thống nhất chỉ thực hiện một số hạng mục mua sắm, sửa chữa thiết yếu để đảm bảo công tác vận hành an toàn, liên tục tránh tình trạng dừng máy do sự cố xảy ra chủ yếu là mua sắm các vật tư, thiết bị dự phòng; Kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị cơ điện NMTĐ H'Chan, H'Mun; Thí nghiệm định kỳ hệ thống rơ le bảo vệ 02 nhà máy. Các hạng mục sửa chữa không trọng yếu trong kế hoạch năm 2016 sẽ chuyển sang năm 2017 thực hiện như:
  - Sửa chữa đường nối thủy điện H'Chan – H'Mun;

- Thí nghiệm thiết bị cơ điện nhà máy, TBA và hệ thống đo đếm;
  - Cải tạo lưới chắn rác bể áp lực H'Mun;
  - Sơn nhà máy và khu vận hành;
  - Cải tạo hệ thống tự động NMTĐ H'Chan.
- Trong năm 2016 Công ty cũng đã thực hiện đầy đủ các chế độ báo cáo đột xuất và định kỳ đến các Sở Ban ngành để đảm bảo công tác vận hành theo đúng quy định của pháp luật.

## 2. Tình hình tài chính:

### 2.1. Tình hình tài sản:

*ĐVT: VNĐ*

Chỉ tiêu	2015	2016
A. Tài sản ngắn hạn	100.713.519.428	112.755.773.050
B. Tài sản dài hạn	316.299.193.670	250.085.598.712
C. Tổng tài sản	417.012.713.098	362.841.371.762
D. Nợ phải trả	123.073.722.121	65.231.083.808
E. Nguồn vốn chủ sở hữu	293.938.990.977	297.610.287.954
F. Tổng nguồn vốn	417.012.713.098	362.841.371.762

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	1,12	1,73
+ Hệ số thanh toán nhanh:	1,10	1,69
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,30	0,18
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,42	0,22
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>		
+ Vòng quay hàng tồn kho:	20,40	17,90
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,29	0,32
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,53	0,60
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,21	0,23
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,15	0,19
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,58	0,65

### 2.2. Tình hình nợ phải trả:

*ĐVT: VNĐ*

Các chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016
<b>1. Nợ ngắn hạn</b>	<b>89.575.189.290</b>	<b>65.231.083.808</b>
+ Phải trả người bán ngắn hạn	185.054.511	822.573.050
+ Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4.970.830.811	7.861.234.950
+ Phải trả người lao động	758.727.548	1.143.796.852
+ Chi phí phải trả ngắn hạn	40.000.000	18.500.000
+ Phải trả ngắn hạn khác	58.806.358.466	48.836.478.414
+ Vay ngắn hạn	21.197.628.192	0
+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.616.589.762	6.548.500.542
<b>2. Nợ dài hạn</b>	<b>33.498.532.831</b>	<b>0</b>
+ Vay dài hạn	33.498.532.831	

### 3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017:

#### 3.1. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2017:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2017	TH 2016	KH2017/TH2016 (%)
1	<b>Điện thương phẩm</b>	tr kWh	<b>113,64</b>	<b>104,00</b>	<b>109%</b>
2	Tổng doanh thu	tỷ đ	139,49	123,29	113%
	<b>Doanh thu bán điện</b>	tỷ đ	<b>136,88</b>	<b>115,70</b>	<b>118%</b>
	<b>Doanh thu tài chính</b>	tỷ đ	<b>2,61</b>	<b>7,39</b>	<b>35%</b>
	<b>Thu nhập khác</b>	tỷ đ		<b>0,19</b>	
3	Tổng chi phí	tỷ đ	53,37	47,57	112%
	<b>Giá vốn hàng bán</b>	tỷ đ	<b>48,96</b>	<b>41,07</b>	<b>119%</b>
	<b>Chi phí tài chính</b>	tỷ đ		<b>2,35</b>	
	<b>Chi phí quản lý DN</b>	tỷ đ	<b>4,41</b>	<b>3,79</b>	<b>117%</b>
	<b>Chi phí khác</b>	tỷ đ		<b>0,36</b>	
4	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đ	86,12	75,72	114%
5	<b>Thuế TNDN</b>	tỷ đ	<b>6,91</b>	<b>6,56</b>	<b>105%</b>
6	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đ	79,21	69,16	115%

#### 3.2. Giải pháp thực hiện:

##### a. Về sản xuất kinh doanh điện năng:

- Tăng cường và chủ động kiểm tra, bảo dưỡng, thay thế máy móc thiết bị nhà máy, Trạm biến áp và đường dây truyền tải điện. Bảo đảm các nhà máy hoạt động thường xuyên, liên tục, không để xảy ra sự cố do chủ quan gây ra.
- Chủ động trong công tác phối hợp vận hành cho 2 nhà máy.
- Tiếp tục áp dụng hiệu quả chế độ kiểm tra máy móc theo các danh mục kiểm tra đã được Công ty ban hành.

- Xây dựng cơ chế thống kê về suất sự cố và đánh giá lại vật tư, thiết bị dự phòng trong các năm trước để có sự chuẩn bị chu đáo hơn, vừa đảm bảo tiết kiệm cho Công ty vừa đảm bảo khắc phục nhanh các sự cố xảy ra.

**b. Về công tác tài chính:**

- Cân đối dòng tiền, nguồn vốn để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh; đầu tư mở rộng kinh doanh vào các dự án năng lượng tái tạo điện gió, điện mặt trời; M&A các dự án thủy điện; mua cổ phần sở hữu trực tiếp hoặc thông qua hình thức hợp tác đầu tư và sử dụng nguồn tiền một cách tối ưu, hiệu quả nhất.
- Tiếp tục đảm bảo công tác chi trả cổ tức cho các cổ đông nhỏ lẻ.

**c. Công tác khác:**

❖ Về nhân sự - tiền lương:

- Tiếp tục triển khai thực hiện công tác 5S tại các nhà máy và văn phòng làm việc.
- Tăng cường công tác đào tạo đặc biệt là đào tạo nội bộ, đào tạo chuyên môn, tay nghề, thi sát hạch an toàn, thi nâng bậc...
- Phát động phong trào thi đua lao động sáng tạo, khuyến khích và biểu dương các cá nhân có thành tích đóng góp cho Công ty.

❖ Về công tác lập quy:

- Tiếp tục phát huy, áp dụng có hiệu quả hệ thống văn bản lập quy hiện có của Công ty.
- Rà soát, cập nhật, hiệu chỉnh và sửa đổi một số văn bản lập quy, quy trình để phù hợp với thực tế của Công ty như: Quy định chế độ phúc lợi, Quy chế lương khối văn phòng....

❖ Về công tác Công bố thông tin và quản lý cổ đông:

- Thực hiện công bố thông tin kịp thời theo đúng quy định của pháp luật hiện hành
- Rà soát lại các cổ đông nhỏ lẻ chưa nhận cổ tức, địa chỉ không rõ ràng để đưa ra phương án quản lý cổ đông phù hợp với quy định hiện hành.

## PHẦN D: ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI

### 1. Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2016:

- Hội đồng quản trị (HĐQT) có 5 thành viên, đứng đầu là Chủ tịch HĐQT. Hội đồng quản trị thành lập các tiểu ban như: Tiểu ban kỹ thuật, kinh doanh, tài chính, nhân sự tổ chức nhằm triển khai hoạt động của Hội đồng quản trị hiệu quả, cụ thể như sau:

<b>I. Tiểu ban Kỹ thuật</b>		
1	Nhân sự phụ trách	Ông Đinh Châu Hiếu Thiện – Thành viên HĐQT – Trưởng tiểu ban Ông Hà Nguyên Hoàng – Thành viên HĐQT – Thành viên
2	Nhiệm vụ	- Phụ trách công tác sản xuất, kỹ thuật, sửa chữa, bảo dưỡng. - Phụ trách công tác phát triển công nghệ, phát triển sản xuất.
<b>II. Tiểu ban kinh doanh</b>		
1	Nhân sự phụ trách	Ông Trần Đình Lợi – Thành viên HĐQT – Trưởng tiểu ban Ông Nguyễn Đình Tuấn – Thành viên HĐQT – Thành viên
2	Nhiệm vụ	- Tham gia nghiên cứu, xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty. - Tham mưu Hội đồng quản trị phương án tối ưu hóa hoạt động kinh doanh, nghiên cứu sản phẩm, phát triển dự án đầu tư xây dựng, đối ngoại trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
<b>III. Tiểu ban Tài chính</b>		
1	Nhân sự phụ trách	Ông Lê An Khang – Chủ tịch HĐQT – Trưởng tiểu ban Ông Hà Nguyên Hoàng – Thành viên HĐQT – Thành viên
2	Nhiệm vụ	- Phụ trách công tác tài chính, huy động vốn, điều phối vốn; - Phụ trách công tác mua sắm; - Phụ trách kế hoạch, đầu tư dự án.
<b>IV. Tiểu ban Nhân sự, Tổ chức</b>		
1	Nhân sự phụ trách	Ông Lê An Khang – Chủ tịch HĐQT – Trưởng tiểu ban Ông Nguyễn Đình Tuấn – Thành viên HĐQT – Thành viên Ông Trần Đình Lợi – Thành viên HĐQT – Thành viên Ông Đinh Châu Hiếu Thiện – Thành viên HĐQT – Thành viên Ông Hà Nguyên Hoàng – Thành viên HĐQT – Thành viên
2	Phân công nhiệm vụ	- Phụ trách công tác tổ chức bộ máy, chính sách quản lý; - Phụ trách công tác nhân sự, tiền lương, đãi ngộ, tuyển dụng, đào tạo, khen thưởng, kỷ luật.

- Trong năm qua, HĐQT đã triển khai Nghị quyết của ĐHĐCĐ thông qua 4 cuộc họp và 13 đợt lấy ý kiến bằng văn bản với 10 nghị quyết được ban hành. HĐQT chỉ đạo hoạt động của Công ty đúng pháp luật, Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra, đã định hướng đúng đắn các hoạt động của Công ty cũng như chuyển nhượng cổ phiếu sở hữu tại Công ty cổ phần thủy điện Trường Phú. Ban hành các Nghị quyết, Quy chế, Quyết định phục vụ công tác quản lý, điều hành hoạt động SXKD của Công ty phù hợp với quy định của Nhà nước.
- Để thực hiện các mục tiêu đã được ĐHĐCĐ đề ra, HĐQT đã triển khai Nghị quyết của ĐHĐCĐ thông qua 04 cuộc họp, 13 đợt lấy ý kiến bằng văn bản với 10 nghị quyết với sự tham gia của Trưởng Ban kiểm soát để bàn bạc, thống nhất các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT, hoạch định chiến lược và đưa ra các quyết định, chỉ đạo kịp thời mang lại hiệu quả kinh tế, hiệu quả đầu tư cho Công ty;
- Thực hiện đúng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 đề ra;
- Chỉ đạo Ban điều hành bám sát thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ và Nghị quyết HĐQT;
- Đưa ra những định hướng chiến lược cho hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 của Công ty nhằm hoàn thành các chỉ tiêu ĐHĐCĐ đề ra;
- Đã thực hiện chi trả cổ tức với tỷ lệ 2,5%/cổ phần của năm 2015 còn lại cho cổ đông trong năm 2016;
- HĐQT đã quyết định việc chia tạm ứng cổ tức trong năm 2016 với tỷ lệ cổ tức là 27 %;
- Hoàn thành việc bổ sung ngành, nghề kinh doanh theo quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện thủ tục pháp lý theo quy định;
- Thống nhất chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam làm đơn vị kiểm toán 6 tháng đầu năm và cả năm 2016;
- Hoàn thiện dự thảo sơ đồ tổ chức, xây dựng, điều chỉnh hệ thống văn bản lập quy tạo hành lang pháp lý cho các hoạt động của GHC;
- Tính toán các phương án để nâng cao tự động hóa tại nhà máy thủy điện H' Chan và H' Mun nhằm tối ưu hoạt động sản xuất của công ty;
- Chủ động tìm kiếm các dự án thủy điện để M&A và đàm phán với các tổ chức tín dụng liên quan đến công tác chuẩn bị nguồn vốn M&A. Bên cạnh đó tìm hiểu việc đầu tư vào lĩnh vực năng lượng tái tạo (điện năng và điện gió) nhằm giảm phát thải khí nhà kính, bảo vệ môi trường;
- Thoái vốn các dự án thủy điện không mang lại hiệu quả trong việc đầu tư.

## **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty:**

- Trong năm 2016 Công ty đã ban hành thay thế và bổ sung 6 văn bản lập quy nhằm tạo hành lang pháp lý giúp công tác quản trị và điều hành của Công ty quản lý được rủi ro.
- Năm qua, Ban giám đốc Công ty đã thực hiện đúng phạm vi trách nhiệm và quyền hạn đã được quy định tại Điều lệ Công ty; phối hợp chặt chẽ với HĐQT triển khai thực hiện các nội dung nhiệm vụ kế hoạch theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2016 và các chủ trương của HĐQT.



- Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đã được Ban điều hành triển khai thực hiện kịp thời, đúng yêu cầu như: ban hành một số quy trình nhằm hoàn thiện hệ thống văn bản lập quy của Công ty.
- Ban giám đốc đã triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016, đạt được kết quả như sau:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ TH/KH
1	Sản lượng điện thương phẩm	Tr. kWh	120,49	104,00	86%
2	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	141,36	123,29	87%
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	81,83	69,16	85%

- Năm 2016 Công ty đã chấp hành tốt nghĩa vụ nộp thuế với Nhà nước. Các khoản thuế nộp Ngân sách gồm: thuế tài nguyên 8.194 triệu đồng, thuế GTGT 11.603 triệu đồng, thuế TNCN 1.441 triệu đồng, thuế TNDN là 6.552 triệu đồng, phí môi trường rừng 2.080 triệu đồng.
- Trong năm 2016, Công ty thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền cho các cổ đông từ kết quả kinh doanh 2016 với mức chi trả 27% tương ứng với 55.350 triệu đồng cho các cổ đông.
- Công ty đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Công ty niêm yết theo đúng quy định của Luật chứng khoán, thực hiện báo cáo, công bố thông tin liên quan đến các hoạt động của Công ty trên thị trường chứng khoán đầy đủ và kịp thời.

### 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị trong năm 2017:

Về triển vọng kinh tế vĩ mô năm 2017, Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam dự báo triển vọng tăng trưởng của Việt Nam được đánh giá là tích cực trong trung hạn, mức tăng trưởng GDP dự kiến sẽ cải thiện trong năm 2017 và 2018. Kỳ vọng lạm phát ước tính sẽ tăng ở mức vừa phải trong năm 2017 do giá hàng hóa và nhiên liệu dần hồi phục.

Ngành điện năm 2017 được xác định là sẽ tập trung đảm bảo cung ứng điện cho phát triển kinh tế - xã hội. Với mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2017 là 6,7% so với 2016, nhu cầu điện sẽ lớn hơn, dự kiến điện sản xuất và mua đạt 197,2 tỷ kWh, tăng 11,4% so với năm 2016. Trong trung và dài hạn vẫn còn nguy cơ thiếu điện nhất là đến năm 2020, Việt Nam phấn đấu có trên 1 triệu doanh nghiệp, thì nhu cầu điện rất lớn.

**Để thực hiện tốt nhiệm vụ trong năm 2017, HĐQT đề ra phương hướng hoạt động như sau:**

#### a. Giải pháp trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh, quản lý vận hành nhà máy điện:

- Tập trung chỉ đạo việc sản xuất điện năng để nâng cao hiệu quả kinh doanh;

- Tiếp tục mở rộng hoạt động kinh doanh chính của Công ty, tăng cường tìm kiếm cơ hội đầu tư vào các dự án thủy điện vừa và nhỏ, năng lượng tái tạo (điện gió và điện mặt trời) có tính khả thi cao trên địa bàn tỉnh và các khu vực lân cận;
- Chú trọng đầu tư cho phát triển công nghệ, nâng cấp hệ thống hạ tầng - công nghệ cho Công ty để từng bước đáp ứng với nhu cầu quản lý hiện đại và phù hợp với mức độ tăng trưởng của Công ty.
- Chủ động trong công tác phối hợp để tăng hiệu quả vận hành cho 2 nhà máy;
- Thực hiện bảo dưỡng, duy tu, thí nghiệm định kỳ các thiết bị đầy đủ và đúng quy định hiện hành, đảm bảo hoàn thành trong mùa khô, để sẵn sàng cho việc phát điện mùa mưa đồng thời để giảm thiểu suất sự cố xảy ra;
- Chấp hành tốt các quy trình, quy phạm trong công tác quản lý vận hành nhà máy điện và các quy định trong quy trình an toàn điện;
- Tính toán tối ưu phát điện, trong đó tập trung trí tuệ vào việc phân tích, dự báo nước chạy máy để đạt được kết quả tối ưu, kết hợp với tính toán hiệu quả kinh tế phát điện vào giờ cao điểm, sử dụng kết quả phân tích để điều chỉnh phương án chạy máy trong các trường hợp cụ thể;
- Thường xuyên theo dõi, cập nhật các thông tin về thời tiết, thủy văn trên địa bàn và các khu vực thượng lưu để chủ động trong hoạt động phát điện.

**b. Công tác tài chính:**

- Đảm bảo thanh khoản và thực hiện tốt công tác thu hồi công nợ tiền bán điện; trả gốc, lãi vay từ các ngân hàng theo đúng kỳ hạn;
- Chuẩn bị nguồn vốn để luôn sẵn sàng trong việc M&A các dự án thủy điện và đầu tư các dự án năng lượng khác;
- Chủ động làm việc với các tổ chức tín dụng để tìm kiếm nguồn vốn và lãi suất ưu đãi.

**c. Công tác quản trị nhân lực:**

- Tạo điều kiện về môi trường làm việc chuyên nghiệp, cơ hội phát triển bản thân và thu nhập cạnh tranh để thu hút nhân tài, những người có chuyên môn, trình độ năng lực, giàu kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.
- Thường xuyên đánh giá năng lực và khả năng của CBNV để bố trí công việc phù hợp, mạnh dạn đề bạt những cán bộ trẻ, những công nhân có trình độ, nhiệt huyết vào những vị trí quản lý, lãnh đạo.
- Sử dụng quỹ khen thưởng cho người lao động, thực hiện chính sách thưởng công bằng, linh hoạt, coi khen thưởng là sự chia sẻ thành công của doanh nghiệp đối với người lao động.

**d. Các công tác khác:**

- Chỉ đạo Ban điều hành bám sát và thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị.
- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản lập quy, tạo hành lang pháp lý vững mạnh cho GHC.
- Tổ chức các phiên họp thường kỳ và tổ chức các cuộc họp giao ban với Ban điều hành khi cần thiết để giám sát hoạt động và đảm bảo việc tuân thủ đúng các quyết định của HĐQT.
- Theo dõi tiến độ triển khai công việc thực hiện các dự án mà GHC tham gia góp vốn.

Với những định hướng nêu trên, trong năm 2017 HĐQT sẽ tiếp tục tăng cường chỉ đạo và giám sát chặt chẽ hơn nữa hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm mang lại hiệu quả cao nhất cho Cổ đông, từng bước chăm lo hơn nữa đến đời sống cán bộ công nhân viên của Công ty.

- Dựa trên tình hình thực tế về thời tiết, Hội đồng quản trị Công ty đã xây dựng, định hướng một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2017 cơ bản như sau:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2017	TH 2016	KH 2017/ TH 2016 (%)
1	Sản lượng điện thương phẩm	tr kWh	113,64	104,00	109%
2	<b>Tổng doanh thu</b>	tỷ đ	<b>139,49</b>	<b>123,29</b>	<b>113%</b>
3	<b>Tổng chi phí</b>	tỷ đ	<b>53,37</b>	<b>47,57</b>	<b>112%</b>
4	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	tỷ đ	<b>86,12</b>	<b>75,72</b>	<b>114%</b>
5	Thuế TNDN	tỷ đ	6,91	6,56	105%
6	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	tỷ đ	<b>79,21</b>	<b>69,16</b>	<b>115%</b>

## **PHẦN E: BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

### **V. Báo cáo tài chính**

#### **1. Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**

#### **2. Báo cáo tài chính được kiểm toán**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>112.755.773.050</b>	<b>100.713.519.428</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>20.757.627.323</b>	<b>67.095.462.041</b>
111	1. Tiền		257.627.323	3.895.462.041
112	2. Các khoản tương đương tiền		20.500.000.000	63.200.000.000
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>89.641.834.509</b>	<b>31.254.539.359</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	22	45.576.299.046	30.687.273.320
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		340.500.000	294.047.150
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	5	43.725.035.463	273.218.889
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>		<b>2.285.325.182</b>	<b>2.301.970.810</b>
141	1. Hàng tồn kho	6	2.285.325.182	2.301.970.810
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>70.986.036</b>	<b>61.547.218</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	63.614.342	25.632.727
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		7.371.694	35.914.491
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>250.085.598.712</b>	<b>316.299.193.670</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>237.098.194.617</b>	<b>258.191.648.987</b>
221	1. Tài sản hữu hình	7	235.660.604.942	256.745.428.612
222	Nguyên giá		394.231.384.979	392.984.322.886
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(158.570.780.037)	(136.238.894.274)
227	2. Tài sản cố định vô hình	8	1.437.589.675	1.446.220.375
228	Nguyên giá		1.492.970.000	1.492.970.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(55.380.325)	(46.749.625)
<b>240</b>	<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>12.740.433</b>
242	1. Xây dựng cơ bản dở dang		-	12.740.433
<b>250</b>	<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>9</b>	<b>12.100.000.000</b>	<b>57.100.000.000</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		12.000.000.000	12.000.000.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		100.000.000	45.100.000.000
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>887.404.095</b>	<b>994.804.250</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	887.404.095	994.804.250
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>362.841.371.762</b>	<b>417.012.713.098</b>

VND

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

ngày 31 tháng 12 năm 2016

<i>Mã số</i>	<i>NGUỒN VỐN</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>65.231.083.808</b>	<b>123.073.722.121</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>65.231.083.808</b>	<b>89.575.189.290</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	822.573.050	185.054.511
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	7.861.234.950	4.970.830.811
314	3. Phải trả người lao động		1.143.796.852	758.727.548
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn		18.500.000	40.000.000
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	13	48.836.478.414	58.806.358.466
320	6. Vay ngắn hạn	14	-	21.197.628.192
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		6.548.500.542	3.616.589.762
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>33.498.532.831</b>
<b>338</b>	<b>1. Vay dài hạn</b>	<b>14</b>	<b>-</b>	<b>33.498.532.831</b>
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>297.610.287.954</b>	<b>293.938.990.977</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>15.1</b>	<b>297.610.287.954</b>	<b>293.938.990.977</b>
411	1. Vốn cổ phần		205.000.000.000	205.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		205.000.000.000	205.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		52.499.670.000	52.499.670.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		28.883.472.879	28.883.472.879
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		11.227.145.075	7.555.848.098
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		877.188.123	-
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		10.349.956.952	7.555.848.098
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>362.841.371.762</b>	<b>417.012.713.098</b>

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

<i>Mã số</i>	<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
01	1. Doanh thu bán hàng		115.699.076.272	119.539.320.793
10	2. Doanh thu thuần về bán hàng	16.1	115.699.076.272	119.539.320.793
11	3. Giá vốn hàng bán	17, 20	41.069.897.170	48.565.231.454
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng		74.629.179.102	70.974.089.339
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	16.2	7.393.247.688	7.969.258.542
22	6. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	18	2.352.742.493 2.342.976.701	5.237.129.136 4.951.395.612
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19, 20	3.785.061.110	4.285.807.587
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		75.884.623.187	69.420.411.158
31	9. Thu nhập khác		194.088.119	2.962.909
32	10. Chi phí khác		363.439.308	50.806.468
40	11. Lỗ khác		(169.351.189)	(47.843.559)
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		75.715.271.998	69.372.567.599
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	21	6.557.422.575	6.318.907.624
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		69.157.849.423	63.053.659.975
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	15.4	3.205	3.000
71	16. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	15.4	3.205	3.000

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>75.715.271.998</b>	<b>69.372.567.599</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	7, 8	22.398.150.547	22.396.390.837
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	232.270.836
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(7.396.307.165)	(7.969.258.542)
06	Chi phí lãi vay	18	2.342.976.701	4.951.395.612
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>93.060.092.081</b>	<b>88.983.366.342</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(15.160.295.294)	(16.823.159.537)
10	Giảm hàng tồn kho		16.645.628	158.454.170
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		3.801.461.167	(97.921.803)
12	Giảm chi phí trả trước		69.418.540	3.419.824.091
14	Tiền lãi vay đã trả		(2.342.976.701)	(4.951.395.612)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	12	(5.846.137.809)	(5.792.668.108)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.079.641.666)	(1.949.977.562)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>71.518.565.946</b>	<b>62.946.521.981</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(1.423.803.660)	(981.994.252)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		144.645.456	-
24	Tiền thu hồi cho vay		-	82.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(33.589.860.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		6.316.438.000	12.140.879.600
27	Tiền thu lãi cho vay và lãi tiền gửi		2.868.614.566	1.922.308.053
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>7.905.894.362</b>	<b>61.491.333.401</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(54.696.161.023)	(21.227.258.784)
36	Cổ tức đã trả cho cổ đông	15.5	(71.066.134.003)	(51.120.786.100)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính</b>		<b>(125.762.295.026)</b>	<b>(72.348.044.884)</b>



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

<i>Mã số</i>	<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền và tương đương tiền trong năm</b>		<b>(46.337.834.718)</b>	<b>52.089.810.498</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>		<b>67.095.462.041</b>	<b>15.005.651.543</b>
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>4</b>	<b>20.757.627.323</b>	<b>67.095.462.041</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập từ việc cổ phần hóa Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Điện Gia Lai và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“Giấy CNĐKKD”) số 3903000196 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 2 tháng 6 năm 2008, và theo các Giấy CNĐKKD điều chỉnh như sau:

<u>GCNĐKKD điều chỉnh:</u>	<u>Ngày:</u>
Số 3903000196	
Từ lần thứ nhất đến lần thứ ba	Từ năm 2008 đến ngày 2 tháng 4 năm 2013
Số 5900288566	
Từ lần thứ tư đến lần thứ tám	Từ ngày 18 tháng 10 năm 2013 đến ngày 2 tháng 4 năm 2015
Lần thứ chín	Ngày 13 tháng 4 năm 2016

Điều chỉnh lần thứ 9 vào ngày 13 tháng 4 năm 2016 phê duyệt việc bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty.

Hoạt động kinh doanh theo Giấy CNĐKKD của Công ty là xây dựng công trình thủy điện vừa và nhỏ; sản xuất, truyền tải và phân phối điện; và cung cấp hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 114 Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.  
Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là: 47 (31 tháng 12 năm 2015: 54).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

## 2.2 ***Hình thức sổ kế toán áp dụng***

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

### 2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nhiên liệu, công cụ và dụng cụ - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

#### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### 3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 3.5 *Tài sản vô hình*

Tài sản vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Công ty mua. Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là lâu dài hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất lâu dài thì không được trích hao mòn.

#### 3.6 *Khấu hao và khấu trừ*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	43 năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	13 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 20 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị truyền dẫn	6 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 10 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Tài sản cố định khác

3 - 25 năm

### **3.7 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.8 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh với giá trị lớn được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 2 đến 3 năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 3.9 *Các khoản đầu tư*

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

*Dự phòng giảm giá đầu tư*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 3.10 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.11 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.12 *Phân phối lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên:

▶ *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được ghi nhận như khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán.

▶ *Cổ tức*

Cổ tức phải trả được đề xuất bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán.

#### 3.13 *Lãi trên cổ phiếu*

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

#### 3.14 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán điện*

Doanh thu bán điện được ghi nhận dựa trên số lượng điện thực tế đã bán ra và chuyển tải lên lưới điện theo giá bán điện đã thỏa thuận trước.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.15 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

thăng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	6.694.684	16.337.202
Tiền gửi ngân hàng	250.932.639	3.879.124.839
Các khoản tương đương tiền (*)	20.500.000.000	63.200.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>20.757.627.323</u></b>	<b><u>67.095.462.041</u></b>

(\*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc từ một (1) đến hai (2) tháng và hưởng lãi suất 4,3% một năm.

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu từ chuyển nhượng khoản đầu tư	43.369.491.225	-
Tạm ứng cho nhân viên	171.902.900	-
Lãi phải thu	102.184.723	273.218.889
Khác	81.456.615	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>43.725.035.463</u></b>	<b><u>273.218.889</u></b>
<i>Trong đó</i>		
<i>Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 22)</i>	43.369.491.225	-
<i>Phải thu các bên khác</i>	355.544.238	273.218.889

**6. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công cụ, dụng cụ	1.885.612.652	1.983.640.260
Nhiên liệu	399.712.530	318.330.550
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.285.325.182</u></b>	<b><u>2.301.970.810</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	<b>VND</b>					
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn</i>	<i>Thiết bị dụng cụ quản lý</i>	<i>Tài sản có định khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	193.478.121.738	154.777.276.171	4.903.660.391	161.650.000	39.663.614.586	392.984.322.886
Mua mới trong năm	-	1.436.544.093	-	-	-	1.436.544.093
Thanh lý	-	(189.482.000)	-	-	-	(189.482.000)
Số cuối năm	<u>193.478.121.738</u>	<u>156.024.338.264</u>	<u>4.903.660.391</u>	<u>161.650.000</u>	<u>39.663.614.586</u>	<u>394.231.384.979</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số đầu năm	63.169.376.500	53.840.901.740	1.347.445.053	6.507.276	17.874.663.705	136.238.894.274
Khấu hao trong năm	9.859.978.080	9.044.777.275	448.663.092	28.205.004	3.007.896.396	22.389.519.847
Thanh lý	-	(57.634.084)	-	-	-	(57.634.084)
Số cuối năm	<u>73.029.354.580</u>	<u>62.828.044.931</u>	<u>1.796.108.145</u>	<u>34.712.280</u>	<u>20.882.560.101</u>	<u>158.570.780.037</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Giá trị còn lại**

Số đầu năm	<u>130.308.745.238</u>	<u>100.936.374.431</u>	<u>3.556.215.338</u>	<u>155.142.724</u>	<u>21.788.950.881</u>	<u>256.745.428.612</u>
Số cuối năm	<u>120.448.767.158</u>	<u>93.196.293.333</u>	<u>3.107.552.246</u>	<u>126.937.720</u>	<u>18.781.054.485</u>	<u>235.660.604.942</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

## 8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>VND</i>
	<i>Quyền sử dụng đất</i>
<b>Nguyên giá</b>	
Số đầu năm và số cuối năm	<u>1.492.970.000</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số đầu năm	46.749.625
Hao mòn trong năm	<u>8.630.700</u>
Số cuối năm	<u>55.380.325</u>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số đầu năm	<u>1.446.220.375</u>
Số đầu năm	<u>1.437.589.675</u>

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất không có thời hạn của lô đất với giá trị là 1.121.850.000 VND và không được khấu trừ trong năm.

## 9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<i>VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đầu tư vào công ty liên kết (*)	12.000.000.000	12.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (**)	<u>100.000.000</u>	<u>45.100.000.000</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>12.100.000.000</u></b>	<b><u>57.100.000.000</u></b>

(\*) Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

<i>Tên công ty</i>	<u><i>Số cuối năm</i></u>		<u><i>Số đầu năm</i></u>	
	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>	<i>Giá mua của khoản đầu tư VND</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>	<i>Giá mua của khoản đầu tư VND</i>
Công ty Cổ phần Thủy điện Thượng Lộ (i)	<u>30</u>	<u>12.000.000.000</u>	<u>30</u>	<u>12.000.000.000</u>

(i) Công ty Cổ phần Thủy điện Thượng Lộ (“Thượng Lộ”) là một công ty cổ phần hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“Giấy CNĐKKD”) số 3301515921 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“Sở KH&ĐT”) Tỉnh Thừa Thiên Huế cấp vào ngày 2 tháng 4 năm 2013 và các Giấy CNĐKKD điều chỉnh. Thượng Lộ có trụ sở đăng ký tại Số 189 Đường Phạm Văn Đồng, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế. Hoạt động chính của Thượng Lộ là sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN** (tiếp theo)

(\*\*) Chi tiết các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

Tên công ty	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá mua của khoản đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Giá mua của khoản đầu tư
	(%)	VND	(%)	VND
Công ty TNHH GKC				
(i)	0,07	100.000.000	0,07	100.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Phú				
(ii)	-	-	15	45.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>100.000.000</b>		<b>45.100.000.000</b>

(i) Công ty TNHH GKC (“GKC”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên hoạt động theo Giấy CNĐKKD số 6101145316 do Sở KH&ĐT Tỉnh Kon Tum cấp vào ngày 30 tháng 8 năm 2012, và các Giấy CNĐKKD điều chỉnh. GKC có trụ sở đăng ký tại Thôn Măng Đen, Xã Đắk Long, Huyện Kon Plông, Tỉnh Kon Tum. Hoạt động chính của GKC là sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

(ii) Trong năm, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp trong Công ty Cổ phần Thủy Điện Trường Phú theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 04/2016/NQ-NĐQT ngày 8 tháng 6 năm 2016.

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>		
Chi phí bảo hiểm	63.614.342	25.632.727
<b>Dài hạn</b>		
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	539.107.747	954.531.637
Công cụ, dụng cụ	348.296.348	40.272.613
	887.404.095	994.804.250
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>951.018.437</b>	<b>1.020.436.977</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<i>VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải trả cho các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 22</i> )	749.130.000	73.350.631
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Trung	-	39.361.630
Phải trả cho người bán khác	73.443.050	72.342.250
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>822.573.050</u></b>	<b><u>185.054.511</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND			
	<i>Số đầu năm</i>	<i>Tăng trong năm</i>	<i>Giảm trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.457.259.969	6.557.422.575	(5.846.137.809)	4.168.544.735
Thuế tài nguyên	368.185.435	8.193.729.431	(7.018.562.295)	1.543.352.571
Thuế giá trị gia tăng	<u>1.145.385.407</u>	<u>11.602.501.232</u>	<u>(10.598.548.995)</u>	<u>2.149.337.644</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>4.970.830.811</u></b>	<b><u>26.353.653.238</u></b>	<b><u>(23.463.249.099)</u></b>	<b><u>7.861.234.950</u></b>

**13. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Cổ tức phải trả	47.422.678.252	58.013.812.255
Phí bảo vệ môi trường rừng	1.066.992.880	652.535.080
Khác	<u>346.807.282</u>	<u>140.011.131</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>48.836.478.414</u></b>	<b><u>58.806.358.466</u></b>
<i>Trong đó</i>		
<i>Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 22)</i>	27.585.125.800	34.568.131.950
<i>Phải trả các bên khác</i>	21.251.352.614	24.238.226.516

**14. Vay**

	VND		
	<i>Số đầu năm</i>	<i>Trả nợ vay</i>	<i>Số cuối năm</i>
Vay ngân hàng	<u>54.696.161.023</u>	<u>54.696.161.023</u>	<u>-</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	21.197.628.192		-
<i>Vay dài hạn</i>	33.498.532.831		-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

## 15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### 15.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	VND				
	<i>Vốn cổ phần</i>	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Năm trước</b>					
Số đầu năm	205.000.000.000	52.499.670.000	28.883.472.879	877.188.123	287.260.331.002
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	63.053.659.975	63.053.659.975
Cổ tức đã công bố	-	-	-	(56.375.000.000)	(56.375.000.000)
Số cuối năm	<u>205.000.000.000</u>	<u>52.499.670.000</u>	<u>28.883.472.879</u>	<u>7.555.848.098</u>	<u>293.938.990.977</u>
<b>Năm nay</b>					
Số đầu năm	205.000.000.000	52.499.670.000	28.883.472.879	7.555.848.098	293.938.990.977
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	69.157.849.423	69.157.849.423
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(5.011.552.446)	(5.011.552.446)
Cổ tức đã công bố	-	-	-	(60.475.000.000)	(60.475.000.000)
Số cuối năm	<u>205.000.000.000</u>	<u>52.499.670.000</u>	<u>28.883.472.879</u>	<u>11.227.145.075</u>	<u>297.610.287.954</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**15.2 Vốn cổ phần**

	<i>Số cuối năm</i>			<i>Số đầu năm</i>		
	<i>Giá trị</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Tỷ lệ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Tỷ lệ</i>
	<i>VND</i>	<i>Cổ phiếu</i>	<i>sở hữu</i>	<i>VND</i>	<i>Cổ phiếu</i>	<i>%</i>
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	119.193.640.000	11.919.364	58,14	119.193.640.000	11.919.364	58,14
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	6.000.000.000	600.000	2,93	6.000.000.000	600.000	2,93
Các cổ đông khác	79.806.360.000	7.980.636	38,93	79.806.360.000	7.980.636	38,93
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>205.000.000.000</u></b>	<b><u>20.500.000</u></b>	<b><u>100</u></b>	<b><u>205.000.000.000</u></b>	<b><u>20.500.000</u></b>	<b><u>100</u></b>

**15.3 Cổ phiếu – cổ phiếu phổ thông**

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số cổ phiếu</i> <i>Số đầu năm</i>
Số lượng cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	20.500.000	20.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	20.500.000	20.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	20.500.000	20.500.000

**15.4 Lãi trên cổ phiếu**

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận sau thuế TNDN (VND)	69.157.849.423	63.053.659.975
Trừ: Quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến trích lập (*)	<u>(3.457.892.471)</u>	<u>(1.553.659.975)</u>
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)</b>	<b>65.699.956.952</b>	<b>61.500.000.000</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Số lượng cổ phiếu bình quân ( <i>cổ phiếu</i> )	20.500.000	20.500.000
Lãi trên cổ phiếu ( <i>VND/cổ phiếu</i> )		
- <i>Lãi cơ bản</i>	3.205	3.000
- <i>Lãi suy giảm</i>	3.205	3.000

(\*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến trích lập của năm nay theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và đề xuất này sẽ được xem xét và chấp thuận bởi các cổ đông của Công ty tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên, dự kiến được tổ chức vào tháng 4 năm 2017.

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**15.5 Cổ tức**

	VND	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Cổ tức công bố trong năm	60.475.000.000	56.375.000.000
Cổ tức đã trả trong năm	71.066.134.003	51.120.786.100

**16. DOANH THU**

**16.1 Doanh thu thuần về bán hàng**

	VND	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Doanh thu bán điện	<u>115.699.076.272</u>	<u>119.539.320.793</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu phát sinh với bên liên quan</i> <i>(Thuyết minh số 22)</i>	115.699.076.272	119.539.320.793

**16.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư	4.500.000.000	5.773.731.600
Lãi trả chậm	1.860.455.295	-
Lãi tiền gửi	1.023.054.330	1.316.869.998
Lãi cho bên liên quan vay	-	878.656.944
Lãi chênh lệch tỷ giá	9.738.063	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><u>7.393.247.688</u></u>	<u><u>7.969.258.542</u></u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<i>VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn bán điện	<u>41.069.897.170</u>	<u>48.565.231.454</u>

**18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí lãi vay	2.342.976.701	4.951.395.612
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	<u>9.765.792</u>	<u>285.733.524</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.352.742.493</u></b>	<b><u>5.237.129.136</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nhân công	1.773.495.692	1.974.598.013
Chi phí khấu hao và khấu trừ	143.195.835	282.047.985
Chi phí nhiên liệu, vật liệu	54.393.666	191.511.136
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.873.786	20.101.793
Chi phí khác	1.797.102.131	1.817.548.660
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.785.061.110</u></b>	<b><u>4.285.807.587</u></b>

**20. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí khấu hao và hao mòn	22.234.806.237	22.396.390.837
Chi phí nhân công	7.281.283.992	7.267.886.254
Chi phí nhiên liệu, vật liệu	336.740.209	481.322.951
Chi phí dịch vụ mua ngoài	194.194.329	348.437.035
Chi phí khác	14.807.933.513	22.357.001.964
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>44.854.958.280</u></b>	<b><u>52.851.039.041</u></b>

**21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế (2015: 22%).

Đối với Dự án Thủy điện H’Chan, Công ty được áp dụng mức thuế suất 10% trong vòng mười lăm (15) năm kể từ khi dự án bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh (là năm 2006), được miễn thuế bốn (4) năm (từ năm 2006 đến năm 2009) và được giảm 50% thuế TNDN cho chín (9) năm tiếp theo (từ năm 2010 đến năm 2018) kể từ khi có thu nhập chịu thuế do dự án đầu tư mang lại.

Đối với Dự án Thủy điện H’Mun, Công ty được giảm 50% thuế TNDN cho chín (9) năm (từ năm 2015 đến năm 2023).

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**21.1 Chi phí thuế TNDN**

	<i>VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	6.557.422.575	6.161.278.213
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong năm trước	-	157.629.411
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>6.557.422.575</u></b>	<b><u>6.318.907.624</u></b>

**21.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Bảng đối chiếu giữa lợi nhuận kế toán trước thuế trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và thu nhập chịu thuế được trình bày như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>75.715.271.998</b>	<b>69.372.567.599</b>
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	642.938.403	585.063.938
Thù lao Hội đồng Quản trị	399.000.000	399.000.000
Điều chỉnh khác	-	(691.506.775)
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính</b>	<b>76.757.210.401</b>	<b>69.665.124.762</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Dự án Thủy điện H'Chan</i>	<i>35.082.879.881</i>	<i>35.616.599.779</i>
<i>Dự án Thủy điện H'Mun</i>	<i>35.315.875.225</i>	<i>28.274.793.383</i>
<i>Khác</i>	<i>6.358.455.295</i>	<i>5.773.731.600</i>
Thuế TNDN ước tính phải nộp	6.557.422.575	6.161.278.213
<i>Trong đó:</i>		
<i>Dự án Thủy điện H'Chan</i>	<i>1.754.143.993</i>	<i>1.780.829.989</i>
<i>Dự án Thủy điện H'Mun</i>	<i>3.531.587.523</i>	<i>3.110.227.272</i>
<i>Khác</i>	<i>1.271.691.059</i>	<i>1.270.220.952</i>
Thuế TNDN trích thiếu các năm trước	-	157.629.411
<b>Chi phí thuế TNDN trong năm</b>	<b>6.557.422.575</b>	<b>6.318.907.624</b>
Thuế TNDN phải trả đầu năm	3.457.259.969	2.931.020.453
Thuế TNDN đã trả trong năm	(5.846.137.809)	(5.792.668.108)
<b>Thuế TNDN phải trả cuối năm</b>	<b>4.168.544.735</b>	<b>3.457.259.969</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

## 22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

### *Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với bên liên quan*

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng.

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Cổ đông	Bán điện	115.699.076.272	119.539.320.793
		Cổ tức đã công bố	1.770.000.000	1.650.000.000
		Mua điện	120.747.350	140.483.486
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	Công ty mẹ	Cổ tức đã công bố	35.162.123.800	32.778.251.000
		Mua dịch vụ	1.289.315.066	3.204.926.049
		Mua hàng hóa	58.300.000	17.446.432
		Cung cấp dịch vụ	165.213.306	-
		Bán tài sản	144.645.456	-
		Khác	1.164.651.972	173.824.319
Công ty TNHH Một Thành viên Xây lắp và Cơ điện Gia Lai	Bên liên quan	Lãi cho vay	-	878.656.944
		Mua dịch vụ	109.951.240	819.084.565
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Bên liên quan	Thanh lý khoản đầu tư	49.500.000.000	-
		Lãi trả chậm	1.860.455.295	-
Công ty TNHH MTV Tư vấn và Phát triển Năng lượng Gia Lai	Bên liên quan	Mua dịch vụ	29.056.182	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>VND</i>				
<b><i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i></b>				
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Cổ đông	Bán điện	<u>45.576.299.046</u>	<u>30.687.273.320</u>
<b><i>Phải thu ngắn hạn khác</i></b>				
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Bên liên quan	Thanh lý khoản đầu tư	43.183.562.000	-
		Lãi trả chậm	185.929.225	-
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>43.369.491.225</u></b>	<b><u>-</u></b>
<b><i>Phải trả người bán ngắn hạn</i></b>				
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	Công ty mẹ	Mua dịch vụ	749.130.000	5.703.213
Công ty TNHH Một Thành viên Xây lắp và Cơ điện Gia Lai	Bên liên quan	Mua dịch vụ	-	50.038.156
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Cổ đông	Mua dịch vụ	-	17.609.262
			<b><u>749.130.000</u></b>	<b><u>73.350.631</u></b>
<b><i>Phải trả ngắn hạn khác</i></b>				
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	Công ty mẹ	Cổ tức	26.222.600.800	32.778.251.000
		Chi hộ	42.525.000	139.880.950
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Cổ đông	Cổ tức	1.320.000.000	1.650.000.000
			<b><u>27.585.125.800</u></b>	<b><u>34.568.131.950</u></b>

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm nay và năm trước như sau:

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Lương và thưởng</b>	<b><u>1.482.281.774</u></b>	<b><u>1.751.542.308</u></b>

### **23 TÀI SẢN ĐẢM BẢO CHO CÁC KHOẢN VAY**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã sử dụng một phần tài sản cố định thuộc dự án thủy điện H'Chan và H'Mun, được định giá với số tiền là 761.400.000.000 VND, làm tài sản thế chấp cho các khoản vay dài hạn từ ngân hàng của bên liên quan. Ngân hàng có trách nhiệm trả lại các tài sản cố định này cho Công ty. Không có các điều khoản quan trọng khác liên quan đến việc sử dụng tài sản thế chấp này.

### **24. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

#### **CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Chủ tịch HĐQT



*Lê An Khang*